

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2025/DS-ST

Ngày: 22-5-2025

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Đắc Minh;

2. Bà Trần Ngọc Tường Vi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình– Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 44/2025/TLST- DS ngày 17 tháng 02 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2025/QĐXXST-DS ngày 18/4/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Bà Lương Thùy T, sinh năm 1993 và ông Dương Quốc N, sinh năm 1993; cùng địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 21/01/2025, quá trình tố tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn bà H trình bày:**

Bà H và ông N, bà T có mối quen hệ quen biết. Ngày 30/8/2024, bà T và ông N có vay của bà H 500.000.000 đồng. Thời hạn vay là 10 ngày. Giấy vay là

do bà T ghi nội dung và cùng ông N ký tên. Khi vay tiền, bà T có thể chấp bản chính hồ sơ giao khoán đất rừng phòng hộ để gây trồng rừng và bảo vệ rừng số 201/HĐK mang tên Lương Thùy T.

Sau nhiều lần bà H yêu cầu thanh toán nhưng vợ chồng ông N không thực hiện. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu bà T và ông N trả lại 500.000.000 đồng tiền gốc và 5.395.000 đồng tiền lãi và tiền lãi phát sinh đến ngày xét xử sơ thẩm.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Đơn khởi kiện ngày 21/01/2025; giấy vay tiền ngày 30/8/2024; hồ sơ giao khoán đất rừng phòng hộ để gây trồng rừng và bảo vệ rừng số 201/HĐK; bản tự khai ngày 21/01/2025; 01 đơn yêu cầu tòa án hỗ trợ gửi tài liệu chứng cứ.

*** Ý kiến của bị đơn:**

Trong quá trình tố tụng để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ theo quy định pháp luật để báo cho bị đơn bà T và ông N biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:**

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần hai không có lý do. Hội đồng xét xử cho phiên tòa được tiếp tục để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Về thủ tục tố tụng, không kiến nghị bổ sung hay đề nghị khắc phục. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần hai không có lý do. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bị đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án. Việc bị đơn vắng mặt tại phiên tòa là cố tình nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Theo đơn khởi kiện ngày 21/01/2025, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán 500.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Căn cứ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, việc xác định tư cách tham gia tố tụng là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Bị đơn bà T, ông N có hộ khẩu thường tại xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng và quan hệ pháp luật tranh chấp là “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xem xét chứng cứ nguyên đơn cung cấp thấy rằng: Giấy mượn tiền ngày 30/8/2024 có chữ ký và chữ viết xác nhận nợ của bị đơn bà T, ông N. Bà H nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông N trả nợ nhưng bà T, ông N không thực hiện. Hiện nay, khoản vay đã quá hạn, bà T, ông N chưa thanh toán là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về lãi suất: Giấy vay tiền ngày 30/8/2024 không ghi lãi suất, thời hạn trả nợ là 10 ngày từ 30/8/2024. Bà H yêu cầu lãi suất 10%/năm và tính lãi từ ngày Tòa án thụ lý vụ án 17/02/2025 đến khi xét xử sơ thẩm (03 tháng 05 ngày) là phù hợp theo khoản 4 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Tổng số tiền lãi bà T và ông N phải thanh toán là 13.195.000 đồng.

[6] Quá trình thực hiện tố tụng giải quyết vụ án, bị đơn bà T và ông N được Tòa án triệu tập, tổng đạt trực tiếp và niêm yết hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt không tham gia các buổi làm việc, buổi mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử để có ý kiến về số nợ của nguyên đơn yêu cầu. Điều này thể hiện bị đơn cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu khởi kiện của bà H được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tổng số tiền bà T và ông N phải thanh toán là 500.000.000 đồng tiền gốc và 13.195.000 đồng tiền lãi.

[7] Quá trình giải quyết vụ án, bà H trình bày: Sau khi bà T, ông N thanh toán xong nợ thì bà H đồng ý trả lại bản chính hồ sơ giao khoán đất rừng phòng hộ để gây trồng rừng và bảo vệ rừng số 201/HĐK mang tên Lương Thùy T cho bà T, ông N. Đây là sự tự nguyện của bà H nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến về phần các thủ tục tố tụng, diễn biến tại phiên tòa và nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[9] Về án phí: Bà T và ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Nguyễn Thị H đối với bà Lương Thùy T và ông Dương Quốc N.

Buộc bà Lương Thùy T và ông Dương Quốc N phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị Hằng S tiền 513.195.000 đồng (năm trăm mười ba triệu một trăm chín mươi lăm ngàn đồng), bao gồm 500.000.000 đồng tiền gốc và 13.195.000 đồng tiền lãi.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả lại cho bà Lương Thùy T bản chính hồ sơ giao khoán đất rừng phòng hộ để gây trồng rừng và bảo vệ rừng số 201/HĐK mang tên Lương Thùy T.

3. Về án phí:

3.1. Bà Lương Thùy T và ông Dương Quốc N phải chịu 24.527.000 đồng (hai mươi bốn triệu năm trăm hai mươi bảy ngàn đồng).

3.2. Hoàn trả cho Nguyễn Thị Hằng số tiền 12.300.000.000 đồng (mười hai triệu ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007307 ngày 13/02/2025 và biên lai thu số 0007403 ngày 27/3/2025 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

5. Quyền thi hành án: Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Nam

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lệ Mỹ Nguyễn Thị Kim Phi

Nguyễn Tuấn Nam

